



AUDITING, INVESTMENT, FINANCE, ACCOUNTING
AND TAX CONSULTANCY

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vã

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đã được kiểm toán)

TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101965 ngày 24/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/01/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101965 ngày 18/01/2016 là 49.375.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), với số cổ phần tương ứng là 4.937.500 cổ phần, theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 27 Bùi Chát, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: (0511) 373.0574 Fax: (0511) 384.2713

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Văn Thắng	Chủ tịch	Từ ngày 01/01/2017
	Phó Chủ tịch	Từ ngày 05/12/2016 đến 01/01/2017
Ông Trần Văn Thế	Phó Chủ tịch	Từ ngày 10/09/2016
	Chủ tịch	Từ ngày 26/11/2015 đến ngày 10/09/2016
Ông Nguyễn Tấn Đông	Thành viên	Từ ngày 01/01/2017
	Chủ tịch	Từ ngày 10/09/2016 đến ngày 01/01/2017
	Thành viên	Từ ngày 05/07/20016 đến ngày 10/09/2016
Ông Trần Đại Xuân	Thành viên	Từ ngày 26/11/2015
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	Từ ngày 21/07/2015
Ông Nguyễn Đình Chính	Thành viên	Từ ngày 26/09/2016
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Từ ngày 12/08/2016

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Tấn Diệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/03/2016
Bà Trần Thị Hồng Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2013
Ông Nguyễn Minh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2016

Ban Tổng Giám đốc

Trần Đại Xuân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
Ông Võ Canh Tinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/01/2016
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2017
Bà Hoàng Thị Hải Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/12/2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Trần Đại Xuân Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.PT đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 27. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

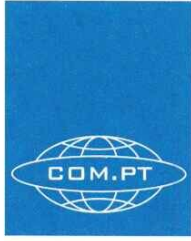
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Đại Xuân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017



AUDIT, ACCOUNTING, FINANCE AND TAX
MANAGEMENT CONSULTANT

COM.PT CO.,LTD
32/203, Chua Boc Street, Dong Da
District, Ha Noi
Tel: (84-4) 3 5 640 218; 6 2517 402
Fax: (84-4) 6 2517 402
Email: comptkiemtoan@gmail.com

Số: 19/2017/BCTC-COM.PT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/03/2017, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

COM.PT
ĐỘC LẬP - KHÁCH QUAN
THẤU HIỂU THỰC TIỄN



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Thị Hòa

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0653-2014-069-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Vũ Hoàng Giang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0439-2013-69-1

9
IG
Ệ
11
H,
KI
JN
I
E

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206.491.894.596	72.452.349.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.761.029.630	23.132.917.386
1. Tiền	111	V.1	6.761.029.630	23.132.917.386
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.967.560.600	40.065.939.838
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.301.227.079	38.916.060.869
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	28.977.356.340	675.301.800
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.222.112.924	3.007.712.912
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.533.135.743)	(2.533.135.743)
IV. Hàng tồn kho	140		98.298.502.784	8.572.456.373
1. Hàng tồn kho	141	V.5	98.298.502.784	8.572.456.373
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.464.801.582	681.036.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	749.604.704	681.036.277
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.403.939.752	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		311.257.126	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.414.478.731	47.780.555.642
II. Tài sản cố định	220		63.839.373.813	42.971.924.289
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	63.221.081.179	42.971.924.289
<i>Nguyên giá</i>	222		121.563.672.936	111.612.642.457
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58.342.591.757)	(68.640.718.168)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	618.292.634	-
<i>Nguyên giá</i>	228		663.292.634	45.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(45.000.000)	(45.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.898.116.500	1.384.729.701
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	7.898.116.500	1.384.729.701
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.500.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.500.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.176.988.418	3.423.901.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	4.176.988.418	3.423.901.652
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295.906.373.328	120.232.905.516

12
T
H
A
K
I
N
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		242.948.867.419	70.811.938.529
I. Nợ ngắn hạn	310		231.182.978.529	56.984.385.259
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	19.540.074.759	10.872.788.066
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	90.963.727.057	1.075.270.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.280.806.307	969.106.583
4. Phải trả người lao động	314		4.486.986.828	3.160.728.766
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		749.324.469	1.321.667.411
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	9.895.901.558	3.585.469.377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	105.311.777.995	37.046.225.474
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.045.620.444)	(1.046.870.444)
II. Nợ dài hạn	330		11.765.888.890	13.827.553.270
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	13.827.553.270
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		11.765.888.890	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.957.505.909	49.420.966.987
I. Vốn chủ sở hữu	410		52.957.505.909	49.420.966.987
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	49.375.000.000	49.375.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(289.680.000)	(289.680.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		288.173.365	288.173.365
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.584.012.544	47.473.622
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.473.622	248.128.313
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.536.538.922	(200.654.691)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295.906.373.328	120.232.905.516

ma



Hoàng Minh Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Văn Ân
Kế toán trưởng

Trần Đại Xuân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	121.154.777.328	293.350.914.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		121.154.777.328	293.350.914.152
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.893.883.540	267.783.022.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.260.893.788	25.567.891.278
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	505.996.527	47.478.072
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.104.607.149	3.092.031.521
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.104.607.149	2.933.195.976
8. Chi phí bán hàng	24		-	15.816.717.404
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.826.764.197	4.114.571.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.835.518.969	2.592.048.494
11. Thu nhập khác	31	VI.5	19.651.086.663	474.033.956
12. Chi phí khác	32	VI.6	22.952.973.159	649.928.511
13. Lợi nhuận khác	40		(3.301.886.496)	(175.894.555)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.533.632.473	2.416.153.939
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	997.093.551	776.623.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.536.538.922	1.639.530.536
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	716	368

M.H.

Nguyễn Văn Ân



Hoàng Minh Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Văn Ân
Kế toán trưởng

Trần Đại Xuân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		212.756.809.714	322.918.368.169
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(214.280.955.483)	(194.980.157.664)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.521.527.346)	(16.756.461.914)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(3.458.022.956)	(1.415.481.639)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(200.000.000)	(1.448.000.000)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.566.414.951	55.399.226.502
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.544.180.095)	(67.284.979.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.681.461.215)	96.432.514.347
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(57.384.358.481)	(4.767.800.473)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		14.643.447.519	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.500.000.000)	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		504.631.199	44.744.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.736.279.763)	(4.723.055.743)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		142.928.521.427	16.279.281.209
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		(72.882.668.205)	(89.823.726.603)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.241.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		70.045.853.222	(74.785.725.394)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.371.887.756)	16.923.733.210
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.132.917.386	6.209.184.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		21.761.029.630	23.132.917.386

me

[Handwritten signature]



Hoàng Minh Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Văn Ân
Kế toán trưởng

Trần Đại Xuân
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính
Năm 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác hầm đường bộ Hải Vân. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101965 ngày 24/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/01/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101965 ngày 18/01/2016 là 49.375.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), với số cổ phần tương ứng là 4.937.500 cổ phần, theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là HaiVan Tunnel Management And Operation Joint Stock Company.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 27 Bùi Chát, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 18/12/2015 với mã chứng khoán HHV (UpCOM).

2 Lĩnh vực kinh doanh.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ Hải Vân bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính
Năm 2016

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm 2016, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất nhũ tương nhựa đường theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài là Công ty France Emulsion.

5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, dịch vụ vận chuyển qua hầm Hải Vân
Xí nghiệp Quản lý đường bộ và Xây dựng Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Duy ty sửa chữa các tuyến đường và các nhiệm vụ khác được giao khác
Xí nghiệp Bảo trì đường bộ và hầm Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Duy ty sửa chữa thường xuyên hầm Hải Vân và các nhiệm vụ khác được giao khác

Trong năm 2016, Công ty đã tiến hành giải thể các chi nhánh sau

Chi nhánh Hợp doanh BACHCHAMBARD - Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân tại Bình Định

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân tại Long An

6 Số lượng nhân viên.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty đến ngày 31/12/2016 là 238 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm. Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng, tuyên bố

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập Báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế

Công ty đảm bảo tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính
Năm 2016

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ trên phần mềm kế toán CADS

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Công ty áp dụng tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
 - Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
 - Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
 - Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán
- Tại thời điểm cuối năm các khoản mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của Ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau

Đối với chứng khoán kinh doanh: Căn cứ vào giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính
Năm 2016

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25 năm
- Máy móc, thiết bị	06-12 năm
- Phương tiện vận tải	08-12 năm
- Thiết bị văn phòng	06-10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua, các loại thuế không hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động sản xuất theo dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi Tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng.... được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm tài chính.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản, bao gồm: Chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (Được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính
Năm 2016

Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả của Công ty là các khoản chi phí trích trước hàng tháng để ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ, gồm: Chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát, là những thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhưng không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động kinh doanh. Chi phí này được ghi nhận vào Chi phí quản lý doanh nghiệp (6421). Khi tính chi phí chịu thuế TNDN chi phí này sẽ được loại trừ để tính thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Chi phí phải trả theo nội dung nêu trên được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp căn cứ vào Điều lệ của Công ty đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả đã ghi nhận là thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.
- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả: Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi nhận như một khoản thu nhập khác.

Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu
- Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá phát hành cổ phiếu (nếu có) chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ (nếu có).
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và trích lập các quỹ.

Doanh thu

- Doanh thu bán hàng: Việc ghi nhận doanh thu bán hàng của Công ty tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản ứng trước của khách hàng quy định trên các Hợp đồng kinh tế ký kết không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty tuân thủ đầy đủ 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp, được khách hàng chấp nhận thanh toán và phát hành hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Chi phí dịch vụ phát sinh liên quan đến doanh thu dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính tuân thủ nguyên tắc phù hợp.
- Doanh thu hoạt động tài chính: Là lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi tỷ giá hối đoái) phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Việc ghi nhận doanh thu tài chính tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.
- Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính
Năm 2016

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt	337.392.655	184.759.214
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.423.636.975	22.948.158.172
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
Cộng	21.761.029.630	23.132.917.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	31/12/2015
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	7.400.161.500	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	3.967.812.903	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	13.913.367.603	-
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	3.467.311.774	-
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	4.059.173.165	4.059.173.165
Các đối tượng khác	6.093.747.601	31.457.235.171
Cộng	42.301.227.079	38.916.060.869

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	31/12/2015
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu tư và Xây dựng AMICONS	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	11.925.286.473	100.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	9.109.406.129	-
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-
Công ty Cổ phần Morehome	1.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát Tài Việt	1.149.950.024	-
Công ty TNHH Trung Lộc	1.891.922.100	-
Công ty TNHH XD & TM Trần Thạch	619.879.500	-
Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu	150.000.000	150.000.000
Các đối tượng khác	2.057.341.014	275.301.800
Cộng	28.977.356.340	675.301.800

4. Phải thu khác

	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	2.077.964.506	-	1.530.871.050	-
Ký quỹ	177.932.291	-	161.252.210	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	4.000.000.000	-	-	-
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000	-
Phải thu khác	128.398.127	-	477.771.652	-
Cộng	7.222.112.924	-	3.007.712.912	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường;	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu;	6.063.795.050	-	5.449.387.887	-
- Công cụ, dụng cụ;	479.062.749	-	352.017.572	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	91.750.948.739	-	2.650.236.348	-
- Thành phẩm;	4.696.246	-	1.853.988	-
- Hàng hóa;	-	-	118.960.578	-
- Hàng gửi bán;	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	98.298.502.784	-	8.572.456.373	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	31/12/2015
Xây dựng cơ bản	7.385.886.500	804.477.840
Khu du lịch hầm Hải Vân	377.340.276	377.340.276
Nhà tập thể phía trước văn phòng Công ty	365.010.327	365.010.327
Trụ sở làm việc nhà Hamadeco 27 Bùi Chát	6.547.349.769	-
Xưởng cơ khí Công ty	96.186.128	-
Xây dựng Trạm cân 100 tấn Nhà máy Bình Định	-	62.127.237
Sửa chữa lớn tài sản cố định	512.230.000	580.251.861
Sửa chữa nhà chung cư Plaza	512.230.000	-
Sửa chữa Văn phòng Công ty	-	208.173.680
Sửa chữa nhà trạm	-	372.078.181
Cộng	7.898.116.500	1.384.729.701

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.352.223.298	27.464.465.196	51.701.423.470	1.094.530.493	111.612.642.457
Mua trong năm	9.664.502.240	20.935.363.635	20.395.506.388	367.718.182	51.363.090.445
XDCB hoàn thành					-
Tặng khác					-
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán	(8.242.049.752)	(16.658.976.697)	(16.218.372.017)	(292.661.500)	(41.412.059.966)
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	32.774.675.786	31.740.852.134	55.878.557.841	1.169.587.175	121.563.672.936
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.882.356.149	15.854.936.414	39.925.612.714	977.812.891	68.640.718.168
Khấu hao trong năm	1.223.859.738	1.629.275.560	3.228.571.867	72.235.900	6.153.943.065
Tặng khác					-
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán	(2.381.180.385)	(6.617.111.618)	(7.187.847.400)	(265.930.073)	(16.452.069.476)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.725.035.502	10.867.100.356	35.966.337.181	784.118.718	58.342.591.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	19.469.867.149	11.609.528.782	11.775.810.756	116.717.602	42.971.924.289
Số dư cuối năm	22.049.640.284	20.873.751.778	19.912.220.660	385.468.457	63.221.081.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm		-	45.000.000	-	45.000.000
Mua trong năm	618.292.634	-	-	-	618.292.634
Tặng khác			-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	618.292.634	-	45.000.000	-	663.292.634
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	45.000.000	-	45.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	45.000.000	-	45.000.000
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	618.292.634	-	-	-	618.292.634

9. Chi phí trả trước

	31/12/2016	31/12/2015
Ngắn hạn	749.604.704	681.036.277
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	185.662.447	66.147.183
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	395.492.257	573.155.102
Chi phí khác	168.450.000	41.733.992
Dài hạn	4.176.988.419	3.423.901.652
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	658.905.938	449.810.012
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	232.034.032	139.480.190
Chi phí sửa chữa	586.870.648	135.433.649
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)		-
Tiền thuê đất Nhà máy Long An	2.699.177.801	2.699.177.801
Cộng	4.926.593.123	4.104.937.929

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2016	31/12/2015
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco (*)	13.500.000.000	-
	13.500.000.000	-

(*) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco. Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2016 là 1.350.000 cổ phần, tương ứng lệ sở hữu là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

11. Phải trả người bán

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Phú	801.020.000	801.020.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ VI NA S.F	1.412.813.400	1.412.813.400	23.558.700	23.558.700
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Tiến - Đà Nẵng	1.510.547.001	1.510.547.001	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ kỹ thuật KĐHC Toàn Cầu	1.337.286.820	1.337.286.820	-	-
Công ty Cổ phần Tin Hùng Dũng	807.573.842	807.573.842	-	-
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	1.138.225.687	1.138.225.687	-	-
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	1.132.620.290	1.132.620.290	1.821.732.000	1.821.732.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đường Việt	2.228.840.000	2.228.840.000	-	-
Nguyễn Văn Dung	601.764.399	601.764.399	94.352.000	94.352.000
Các đối tượng khác	8.569.383.320	8.569.383.320	8.933.145.366	8.933.145.366
	19.540.074.759	19.540.074.759	10.872.788.066	10.872.788.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	31/12/2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu đường Sài Gòn	77.094.298.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Ngầm	1.495.821.371	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nhật Thành	225.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.570.290.200	-
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	-
Các đối tượng khác	1.103.311.561	850.270.026
	90.963.727.057	1.075.270.026

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016	31/12/2015
- Thuế GTGT	281.666.853	972.705.185
- Thuế TNDN	997.093.551	(15.778.671)
- Thuế TNCN	2.045.903	(17.853.483)
- Thuế Tài Nguyên	-	48.397.440
- Tiền Thuế Đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	(18.363.888)
Cộng	1.280.806.307	969.106.583

14. Phải trả khác

	31/12/2016	31/12/2015
a. Ngắn hạn	9.895.901.558	3.585.469.377
Kinh phí công đoàn	179.846.896	199.217.039
BHXH, BHYT, BHTN	264.464.537	-
Tạm ứng (dư có 141)	249.561.761	297.282.439
Quỹ ủng hộ	301.269.931	295.933.077
Phải trả Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.840.185.227	1.840.185.227
Phải trả mượn tiền Nguyễn Huy Tuấn Anh	2.354.000.000	-
Phải trả mượn Nguyễn Kim Hà	4.009.900.000	-
Phải trả, phải nộp khác	696.673.206	952.851.595
b. Dài hạn	-	13.827.553.270
Phải trả Công ty France Emulsion nguồn vốn góp	-	13.827.553.270
Cộng	9.895.901.558	17.413.022.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Công thương Chi nhánh Đà Nẵng (1)	100.282.571.807	100.282.571.807	126.346.884.102	(26.064.312.295)	-	-
- Ngân hàng Công thương Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	-	-	3.527.668.831	(27.854.373.493)	24.326.704.662,00	24.326.704.662,00
- Huy động vốn Cán bộ công nhân viên (2)	5.029.206.488	5.029.206.488	20.468.494	(7.710.782.818)	12.719.520.812	12.719.520.812
Vay ngắn hạn						
- Vay dài hạn mua ba căn hộ chung cư (3)	5.958.333.334	5.958.333.334	6.500.000.000	(541.666.666)	-	-
- Vay mua xe ô tô (4)	5.807.555.556	5.807.555.556	6.533.500.000	(725.944.444)	-	-
Tổng cộng	117.077.667.185	117.077.667.185	142.928.521.427	(62.897.079.716)	37.046.225.474	37.046.225.474

(1) Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT480-HAMADECO và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 25/02/2016. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/06/2017. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng không quá tối đa 9 tháng. Lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng.

(2) Vay huy động vốn cán bộ công nhân viên theo các hợp đồng huy động vốn ký với cá nhân. Thời hạn vay trên hợp đồng 12 tháng.

(3) Vay ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HDDTDDDA/NHCT480-HAMADECO ngày 15/07/2016. Mục đích cho vay mua nhà chung cư tại Đà Nẵng Plaza. Hạn mức cho vay 6.500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(4) Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016-HDDTDDDA/NHCT480-HAMADECO tháng 8/2016. Mục đích vay để đầu tư 24 xe ô tô. Hạn mức vay là 13.800.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ tài ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	31.600.000.000	-	(857.680.000)	288.173.365	2.057.408.313	33.087.901.678
Tăng vốn năm trước	17.775.000.000	-	-	-	-	17.775.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(200.654.691)	(200.654.691)
Phân phối lợi nhuận	-	(289.680.000)	857.680.000	-	(1.809.280.000)	(1.241.280.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	49.375.000.000	(289.680.000)	-	288.173.365	47.473.622	49.420.966.987
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	3.536.538.922	3.536.538.922
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	49.375.000.000	(289.680.000)	-	288.173.365	3.584.012.544	52.957.505.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông	31/12/2016		31/12/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5	-	0,00%	14.220.000.000	28,80%
Công ty CP Đầu tư xây dựng cầu đường Sài Gòn	39.494.000.000	79,99%	25.274.000.000	51,19%
Công đoàn Công ty	848.000.000	1,72%	848.000.000	1,72%
Các cổ đông khác	9.033.000.000	18,29%	9.033.000.000	18,29%
	49.375.000.000	100,00%	49.375.000.000	100,00%

c. Cổ phiếu

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.937.500	4.937.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.937.500	4.937.500
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ. Mỗi Cổ phần phổ thông tương ứng với một cổ phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà công ty công bố tại từng thời điểm tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các cổ phiếu đã được công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu hoạt động xây lắp, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa	100.369.676.259	100.028.142.610
Doanh thu sản xuất nhựa đường	-	171.129.993.405
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	20.176.984.090	16.627.004.547
Doanh thu hoạt động khác	608.116.979	5.565.773.590
Cộng	121.154.777.328	293.350.914.152

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hoạt động xây lắp, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa	76.827.313.900	100.611.624.717
Giá vốn sản xuất nhựa đường	-	148.457.156.319
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	17.365.593.021	13.942.970.883
Giá vốn hoạt động khác	700.976.619	4.771.270.955
Cộng	94.893.883.540	267.783.022.874

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	505.996.527	47.478.072
	505.996.527	47.478.072

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	3.104.607.149	2.933.195.976
Chi phí tài chính khác	-	158.835.545
	3.104.607.149	3.092.031.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

5. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	19.583.640.974	438.073.595
Thu nhập khác	67.445.689	35.960.361
	19.651.086.663	474.033.956

6. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22.142.756.165	559.534.939
Chi phí thanh lý Công cụ dụng cụ, hàng tồn kho	502.777.308	-
Chi phí khác	307.439.686	90.393.572
	22.952.973.159	649.928.511

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	997.093.551	776.623.403
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	997.093.551	776.623.403

	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.533.632.473
Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	451.835.278
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.985.467.751
Thuế TNDN	997.093.550
Thuế TNDN được giảm	-
Thuế TNDN phải nộp	997.093.550

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.536.538.922	1.639.530.536
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.536.538.922	1.639.530.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	4.937.500	3.103.200
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	-	1.347.351
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.937.500	4.450.551
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	716	368

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

2. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.761.029.630	23.132.917.386	21.761.029.630	23.132.917.386
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.523.340.003	41.923.773.781	46.990.204.260	39.390.638.038
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	71.284.369.633	65.056.691.167	68.751.233.890	62.523.555.424
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	117.077.666.885	37.046.225.474	117.077.666.885	37.046.225.474
Phải trả người bán, phải trả khác	29.435.976.317	28.285.810.713	29.435.976.317	28.285.810.713
Chi phí phải trả	749.324.469	1.321.667.411	749.324.469	1.321.667.411
	147.262.967.671	66.653.703.598	147.262.967.671	66.653.703.598

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá chứng khoán:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu:

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu hàng hóa.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.761.029.630	-	-	21.761.029.630
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.523.340.003	-	-	49.523.340.003
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	71.284.369.633	-	-	71.284.369.633
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.132.917.386	-	-	23.132.917.386
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.923.773.781	-	-	41.923.773.781
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	65.056.691.167	-	-	65.056.691.167

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	105.311.777.995	11.765.888.890	-	117.077.666.885
Phải trả người bán, phải trả khác	29.435.976.317	-	-	29.435.976.317
Chi phí phải trả	749.324.469	-	-	749.324.469
	135.497.078.781	11.765.888.890	-	147.262.967.671
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	37.046.225.474	-	-	37.046.225.474
Phải trả người bán, phải trả khác	14.458.257.443	13.827.553.270	-	28.285.810.713
Chi phí phải trả	1.321.667.411	-	-	1.321.667.411
	52.826.150.328	13.827.553.270	-	66.653.703.598

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Các giao dịch phát sinh trong năm

Doanh thu

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Công ty mẹ	18.924.170.970	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Công ty liên kết	-	-

Thu nhập khác (Nhượng bán tài sản)

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Công ty mẹ	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Công ty liên kết	3.227.272.725	-

Mua hàng hoá dịch vụ

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Công ty mẹ	2.219.456.175	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Công ty liên kết	-	-

Số dư cuối năm

Người mua trả tiền trước

	Mối quan hệ	31/12/2016	31/12/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Công ty mẹ	77.094.298.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Công ty liên kết	59.348.000	-

Trả trước cho người bán

	Mối quan hệ	31/12/2016	31/12/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Công ty mẹ	11.925.286.473	100.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Công ty liên kết	-	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2016	Năm 2015
Lương, thưởng và thù lao	1.482.825.170	1.662.352.041

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.PT kiểm toán.

Handwritten signature

Handwritten signature



Hoàng Minh Nguyệt
Người lập biểu

Nguyễn Văn Ân
Kế toán trưởng

Trần Đại Xuân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017